Đơn vị: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
Chương: 412

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 3 THÁNG NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**235**	**20,150**	**13,352**	**0,644**
1	Lệ phí	0	2,55	0,00	0
	Lệ Phí cấp giấy đăng ký hợp chuẩn, hợp quy	0	2,55	0	0
2	Phí	235	17,60	13,352	0,644
-	Phí thẩm định trong lĩnh vực Nông nghiệp	235	17,60	13,352	0,644
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**176,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**
1	***Chi sự nghiệp***	***176,0***	***0,0***	***0,0***	***0,0***
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên *(Số thu được để lại chi: 158.000.000 đồng; trong đó 40% để lại CLTL: 21.000.000 đồng)*	176,0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
2	***Chi quản lý hành chính***	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**59**	**20,150**	**3,35**	**2,3440**
1	***Lệ phí***	**0**	**2,55**	0	**0**
-	Lệ Phí cấp giấy đăng ký hợp chuẩn, hợp quy	0	2,55	0	0
2	**Phí**	**59**	**17,60**	**3,35**	**2,3440**
-	Phí thẩm định trong lĩnh vực Nông nghiệp	59	17,60	3,35	2,344

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**33.984,543**	**6.068,455**	**62,371**	**14,804**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**33.984,543**	**6.068,455**	**62,371**	**14,804**
1	**Chi quản lý hành chính**	**18.391,308**	**2.013,218**	**58,758**	**12,145**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.760,708	1.834,818	4,77	2,960
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.630,60	178,40	53,98	9,185
2	**Chi hoạt động kinh tế**	**15.593,235**	**4.055,237**	**3,613**	**2,659**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.653,235	4.055,237	3,61	2,659
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	940,000	-	0,00	-

Ngày 01 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Yến